

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4/2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các đối tượng thụ hưởng, triển khai các nội dung hỗ trợ về đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 của Chương trình.

2. Các đối tượng thụ hưởng, triển khai đầu tư, xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung thuộc Dự án 1 của Chương trình; đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình; đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình.

## **Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung – tường cứng, mái cứng).

3. Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 22,5 triệu đồng/hộ để thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để giao đất có khả năng sản xuất.

4. Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 3.000 triệu đồng/công trình để đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung.

5. Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 1.600 triệu đồng/km để đầu tư cứng hoá đường đến trung tâm xã chưa được cứng hoá.

6. Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 4.400 triệu đồng/chợ để đầu tư xây dựng mới và bình quân 800 triệu đồng/chợ để cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **Điều 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác**

1. Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung – tường cứng, mái cứng).

3. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và bố trí từ ngân sách địa phương, các địa phương huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ về đất ở, nhà ở, đất sản xuất; đầu tư, xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung; đầu tư cứng hoá đường đến trung tâm xã; xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

#### **Điều 5. Cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để triển khai thực hiện**

1. Đối với trường hợp hỗ trợ theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công.

2. Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại Quyết định này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được quy định tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo việc rà soát, xác định đối tượng để hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

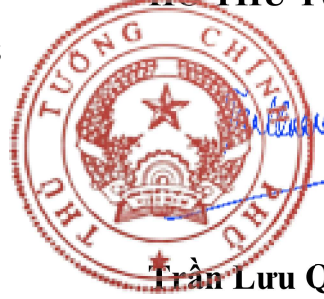
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, QHĐP (2b) S.Tùng.

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trần Lưu Quang**